

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 786/TTr-SNV ngày 19 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế: Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Người có công trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội/UBND cấp áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động, lĩnh vực Việc làm trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Người có công trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ mới ban hành; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Việc làm phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhàn

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ/ UBND CẤP HUYỆN/ UBND CẤP XÃ ÁP
DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Kiên Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT TTHC
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG			
1	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	
2	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	
3	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
4	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
5	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
6	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
7	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	
8	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	
9	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	
II LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC			
1	2.002028	Đăng ký hợp đồng nhận lao động trực tiếp giao kết	
2	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	
3	2.002105	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
4	1.005219	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
5	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	
III LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG			
1	2.000134	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	
2	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	
3	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	
4	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	
5	2.002340	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng	
6	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động	
7	2.002342	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hàng tháng	
8	2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	
9	1.013337	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nội vụ ban hành	
IV LĨNH VỰC VIỆC LÀM			
1	2.000888	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp	
2	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	
3	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	
4	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	
5	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	
6	2.000178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	
7	1.000401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	
8	2.000839	Giải quyết hỗ trợ học nghề	
9	2.000148	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	
10	1.000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	
11	1.001881	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	
12	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
13	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
14	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
15	1.009872	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	
16	2.000219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	
17	1.000459	Xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
18	2.000205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
19	2.000192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
20	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
21	1.009873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
22	1.009811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
23	1.011546	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	
24	1.011547	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	
V LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
1	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
2	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	
3	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
4	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	
5	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
6	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	
7	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	
8	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	
9	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
10	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	
11	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	
12	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
13	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
14	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I LĨNH VỰC VIỆC LÀM			
1	1.011548	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	
2	1.011550	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	
II LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
1	1.010832	Thăm viếng mộ liệt sĩ	
2	1.010811	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I LĨNH VỰC VIỆC LÀM			
		hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	
3	1.010813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
1	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	
2	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
3	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
4	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	
5	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	
6	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	
7	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Nội vụ quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	
8	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	
9	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
10	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
11	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	
12	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
13	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
14	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
15	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	
16	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
17	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
18	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	
19	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong trong thời kỳ chống pháp	
20	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
21	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	

MỤC II: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG			
1	1.004949	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	
2	2.001949	Xếp hạng công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT TTHC

(Đính kèm file chi tiết nội dung quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC)